| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>HUYỆN ĐỨC THỌ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 142 /QĐ-UBND | *Đức Thọ, ngày 14 tháng 01 năm 2025* |

# QUYẾT ĐỊNH
## Về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính huyện Đức Thọ năm 2025

## CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;*

*Căn cứ Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;*

*Căn cứ Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 26/5/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 3504/QĐ-UBND ngày 22/10/2021 của UBND tỉnh về ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 2454/QĐ-UBND ngày 04/12/2022 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án "Đẩy mạnh Cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030"; Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh về Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Hà Tĩnh năm 2025;*

*Theo đề nghị của Phòng Nội vụ sau khi có ý kiến thống nhất của các phòng: Tài chính – Kế hoạch, Tư pháp, Văn hóa – Thông tin, Văn phòng HĐND-UBND huyện.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch cải cách hành chính huyện Đức Thọ năm 2025.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng HĐND - UBND huyện, Trưởng các phòng, ban, ngành, đơn vị cấp huyện; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 2;
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Nội vụ (b/c);
- TTr Huyện ủy, TTr HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể cấp huyện;
- Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện;
- Chánh, phó Văn phòng HĐND – UBND huyện;
- Trung tâm HCC huyện;
- Lưu: VT,NV,.

**CHỦ TỊCH**

**Trần Hoài Đức**

| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>HUYỆN ĐỨC THỌ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|

# KẾ HOẠCH
## Cải cách hành chính huyện Đức Thọ năm 2025

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /01/2025 của Chủ tịch UBND huyện)*

## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

### 1. Mục đích

1.1. Nâng cao chất lượng chỉ đạo, điều hành công tác cải cách hành chính (CCHC) của các cơ quan, đơn vị, địa phương, tạo đột phá trong CCHC năm 2025. Tăng cường trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, nhất là người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước trong việc triển khai nhiệm vụ CCHC.

1.2. Tiếp tục triển khai toàn diện, đồng bộ, có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030 của Chính phủ, của Tỉnh; Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 26/5/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh CCHC, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 (sau đây gọi là Nghị quyết số 12-NQ/TU). Trong đó, chú trọng cải thiện nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, góp phần nâng cao Chỉ số CCHC của huyện năm 2025, Chỉ số chuyển đổi số cấp huyện, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội huyện.

1.3. Tiếp tục đẩy mạnh công tác CCHC nhằm xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại; tập trung trọng tâm vào cải cách thể chế, cải cách chế độ công vụ, xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, nâng cao chất lượng dịch vụ công, cải cách thủ tục hành chính (TTHC), đáp ứng nhu cầu thiết thực của người dân và doanh nghiệp trong giải quyết TTHC; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

### 2. Yêu cầu

2.1. Triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC phải được tiến hành đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với tình hình thực tế của từng cơ quan, đơn vị, địa phương, bảo đảm nghiêm túc, hiệu quả, hoàn thành đúng thời gian quy định và bám sát sự chỉ đạo của Trung ương, UBND tỉnh, các Sở, ngành cấp tỉnh, Huyện ủy, HĐND huyện và UBND huyện. Trong quá trình triển khai yêu cầu lồng ghép triển khai đồng bộ, thống nhất các mục tiêu, nhiệm vụ theo Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030 gắn với Nghị quyết cấp ủy Đảng, chương trình, kế hoạch, Đề án của chính quyền các cấp về CCHC.

2.2. CCHC phải xuất phát từ lợi ích của người dân, doanh nghiệp; lấy sự hài lòng của người dân, tổ chức là thước đo đánh giá hiệu quả, chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương phải xác định CCHC là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt; phải xuất phát từ lợi ích của người dân, doanh nghiệp, lấy sự hài lòng của người dân, tổ chức là thước đo đánh giá hiệu quả, chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp. Các nội dung CCHC phải được tiến hành đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm; gắn với tình hình thực tiễn, mỗi cơ quan, địa phương.

2.3. Các phòng: Nội vụ, Tư pháp, Tài chính – Kế hoạch, Văn hóa – Thông tin, Văn phòng HĐND - UBND huyện chịu trách nhiệm về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý; các phòng, ban, ngành liên quan, UBND các xã, thị trấn theo chức năng, nhiệm vụ chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC kịp thời, hiệu quả.

2.4. Bố trí đủ nguồn lực và có các giải pháp triển khai cụ thể để đảm bảo tính thực tiễn, khả thi của kế hoạch. Gắn việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC hàng năm với đánh giá trách nhiệm, năng lực lãnh đạo, quản lý của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong công tác bình xét thi đua, khen thưởng.

## II. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

*1. Chỉ đạo điều hành CCHC*

1.1. 100% UBND cấp xã ban hành kế hoạch và triển khai có hiệu quả kế hoạch CCHC năm 2025.

1.2. Tối thiểu 35% đơn vị cấp xã được kiểm tra CCHC trong năm 2025; 100% UBND cấp xã ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch tự kiểm tra CCHC đảm bảo thực chất và đúng quy định.

1.3. Phấn đấu ít nhất có 01 - 02 sáng kiến (hoặc giải pháp mới) về CCHC áp dụng có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của Hội đồng thẩm định CCHC tỉnh.

*2. Cải cách thể chế*

2.1. Phấn đấu 100% nội dung được Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Lệnh, Quyết định của Chủ tịch nước, Nghị định của Chính phủ, Thông tư của các Bộ, ngành Trung ương, UBND tỉnh giao được triển khai, thực hiện kịp thời, chất lượng.

2.2. Phấn đấu 100% văn bản QPPL của HĐND, UBND huyện được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế theo kết quả rà soát.

2.3. Phấn đấu 100% văn bản QPPL của Trung ương, của Tỉnh, huyện được tổ chức thực hiện kịp thời, hiệu quả.

*3. Cải cách thủ tục hành chính*

3.1. Tiếp tục triển khai thực hiện số hóa hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, cấp xã đạt tỷ lệ tối thiểu tương ứng: cấp huyện

100%, cấp xã 95% số hồ sơ tiếp nhận.

3.2. Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình được tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia đạt 100%. Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt 90%. Tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt tối thiểu 60%.

3.3. 100% TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước được rà soát, công khai.

3.4. Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt từ 95% trở lên. Phấn đấu trong năm tổ chức ít nhất từ 01 đến 02 cuộc đối thoại/diễn đàn của lãnh đạo UBND huyện với người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã.

*4. Cải cách tổ chức bộ máy*

4.1. Hoàn thành việc sắp xếp tổ chức bộ máy đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4.2. 100% cơ quan được phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa cấp trên với cấp dưới; khắc phục được tình trạng chồng chéo, trùng lắp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống hành chính nhà nước.

4.3. Phấn đấu năm 2025 giảm 15 (tương đương 20%) biên chế công chức so với năm 2024.

*5. Cải cách chế độ công vụ*

5.1. 100% cán bộ, công chức cấp huyện, cấp xã có trình độ đại học trở lên và được chuẩn hoá về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm việc (trừ các chức danh có quy định khác của cơ quan có thẩm quyền).

5.2. Năm 2025 thu hút nhân tài vào làm việc trong các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện theo chính sách của tỉnh.

*6. Cải cách tài chính công*

6.1. Giảm tối thiểu 2,5% chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước của các đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 3 so với năm trước liền kề (không bao gồm quỹ tiền lương, quỹ tiền thưởng và không bao gồm kinh phí cắt giảm.

6.2. 100% đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

6.3. 100% cơ quan hành chính nhà nước được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

6.4. Có ít nhất 01 đơn vị sự nghiệp công lập tăng mức độ tự chủ so với năm trước liền kề.

6.5. Tỷ lệ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý đạt trên 85%.

*7. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số*

7.1. 100% cơ quan Đảng, chính quyền các cấp kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng;

7.2. 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng hoặc tự bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng số, bảo đảm ứng dụng hiệu quả các nền tảng số, khai thác dữ liệu số trong hoạt động quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công của các ngành, các cấp.

7.3. 100% cơ sở dữ liệu quốc gia được kết nối, ứng dụng trên địa bàn huyện theo lộ trình của tỉnh, Chính phủ;

7.4. 100% hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước phê duyệt cấp độ an toàn; 100% hệ thống thông tin theo cấp độ của các cơ quan nhà nước triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn.

7.5. 95% hồ sơ công việc tại UBND cấp huyện và trên 80% hồ sơ công việc tại UBND cấp xã được xác lập trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

7.6. 100% Quyết định công bố Danh mục TTHC và Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, xã do UBND tỉnh ban hành được soát xét, kiểm tra đáp ứng yêu cầu.

7.7. 100% các cơ quan, đơn vị đã xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 thực hiện việc duy trì và cải tiến hệ thống tại cơ quan, đơn vị đáp ứng yêu cầu.

7.6. 100% Quyết định công bố Danh mục TTHC và Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, xã do UBND tỉnh ban hành được soát xét, kiểm tra đáp ứng yêu cầu.

7.7. 100% các cơ quan, đơn vị đã xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 thực hiện việc duy trì và cải tiến hệ thống tại cơ quan, đơn vị đáp ứng yêu cầu.

## III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHUNG

### 1. Công tác triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính

- Tiếp tục chỉ đạo đồng bộ, hiệu quả, cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, xác định rõ trách nhiệm các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước tỉnh, huyện giai đoạn 2021-2030; Nghị quyết số 12-NQ/TU của Tỉnh ủy và Đề án của UBND tỉnh một cách đồng bộ, hiệu quả...

- Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao; thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc, duy trì đánh giá, xếp loại đối với người đứng đầu các địa phương trong CCHC. Tăng cường vai trò, trách nhiệm của cơ quan Thường CCHC huyện, từ đó nâng cao chất

lượng, hiệu quả công tác hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện công tác CCHC.

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ CCHC nhà nước năm 2025. Kịp thời ban hành và triển khai kế hoạch CCHC riêng của đơn vị, địa phương đảm bảo đầy đủ nội dung công tác CCHC theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Tăng cường công tác đối thoại của người đứng đầu các cấp với người dân, doanh nghiệp theo quy định.

- Tăng cường đổi mới, đa dạng hóa hình thức, nâng cao hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền, quán triệt thực hiện các văn bản của các cấp về CCHC, như: Cổng thông tin điện tử của huyện; thông qua các cuộc họp giao ban, trên Cổng/Trang thông tin điện tử, các nền tảng mạng xã hội, đội ngũ tuyên truyền viên của đơn vị, địa phương; tổ chức tuyên truyền qua các hoạt động tập huấn, tọa đàm, tham quan, học tập, trao đổi kinh nghiệm về CCHC.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, trang bị các kiến thức, kinh nghiệm về CCHC; giới thiệu, mạnh dạn áp dụng các mô hình mới, sáng kiến, cách làm hay trong CCHC vào thực tiễn.

- Tiếp tục đổi mới phương pháp theo dõi, đánh giá định kỳ kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC. Nâng cao chất lượng công tác tổ chức đánh giá, xác định chỉ số CCHC theo hướng toàn diện, đa chiều, công khai, minh bạch, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức khảo sát, đánh giá.

- Tổ chức tốt công tác kiểm tra định kỳ, đột xuất về công tác CCHC; tăng cường kiểm tra đột xuất việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trong đó kết hợp kiểm tra kết quả tổ chức, triển khai công tác CCHC của các đơn vị, địa phương qua các ứng dụng, phần mềm liên quan về CCHC. Xem xét, báo cáo cấp có thẩm quyền khen thưởng, biểu dương các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ CCHC.

**2. Cải cách thể chế**

- Tiếp tục tổ chức thực hiện hiệu quả Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 26/01/2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Đề án hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

- Nâng cao hơn nữa chất lượng và hiệu quả công tác thẩm định đề nghị xây dựng văn bản QPPL và dự thảo văn bản QPPL; kiểm soát chặt chẽ việc quy định TTHC trong soạn thảo dự thảo văn bản QPPL; theo dõi sát kết quả tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của cơ quan chủ trì soạn thảo. Tăng cường công tác kiểm tra, xử lý văn bản trái pháp luật.

- Đổi mới nội dung, hình thức PBGDPL một cách toàn diện, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với nhu cầu xã hội và từng nhóm đối tượng, địa bàn, lĩnh vực, chú trọng đối tượng đặc thù; tập trung phổ biến các văn bản mới,

bám sát các vấn đề dư luận xã hội quan tâm hoặc cần định hướng dư luận xã hội; đẩy mạnh công tác truyền thông chính sách trong quá trình xây dựng văn bản QPPL. Nâng cao hiệu quả giáo dục pháp luật trong nhà trường; tăng cường công tác chuyển đổi số trong PBGDPL trong thời gian tới.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật ở địa phương; tăng cường công tác phối hợp, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trong công tác tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn huyện.

- Tăng cường hiệu quả việc thực hiện các giải pháp nhằm giảm chi phí tuân thủ pháp luật, nâng xếp hạng Chỉ số B1.

**3. Cải cách thủ tục hành chính**

- Tiếp tục triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tổ công tác cải cách TTHC của Chính phủ, Văn phòng Chính phủ về cải cách TTHC; trọng tâm triển khai Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06/10/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh cải cách TTHC và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp; Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Bộ Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử.

- Tập trung rà soát, đơn giản hóa các TTHC nội bộ giữa cơ các quan hành chính nhà nước không liên quan đến người dân, doanh nghiệp; tăng cường trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện TTHC nội bộ giữa cơ các cơ quan hành chính nhà nước.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trung tâm Hành chính công cấp huyện và Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã. Tất cả các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của 02 cấp (huyện, xã) được giải quyết đúng quy định theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và được kiểm soát chặt chẽ qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh (trừ các TTHC đặc thù hoặc được UBND tỉnh cho phép thực hiện tại cơ quan, đơn vị). Đảm bảo Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hoạt động ổn định, hiệu quả và kết nối với Trung tâm Hành chính công cấp huyện và Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

- Thực hiện kiểm soát trách nhiệm giải quyết công việc của các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan trong việc tiếp nhận hồ sơ, giải quyết TTHC; giảm mức thấp nhất tỷ lệ hồ sơ trễ hẹn giải quyết nhất là ở cấp huyện và cấp xã; nghiêm túc thực hiện xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết TTHC.

- Thực hiện nghiêm túc việc thanh toán trực tuyến phí, lệ phí giải quyết TTHC trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh nhất là thanh toán trực tuyến các thủ tục đất đai, thu lệ phí trước bạ…

- Phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh; Trung tâm Công báo – Tin học; Trung tâm Hành chính công tỉnh tổ chức tập huấn, kiểm tra và hướng dẫn việc thực hiện công tác kiểm soát TTHC tại các địa phương.

**4. Cải cách tổ chức bộ máy**

- Tập trung rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan chuyên môn, đơn vị tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, đảm bảo tính tổng thể, đồng bộ, liên thông, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong thời kỳ mới trên cơ sở Văn bản của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW: Kết luận số 09-KL/BCĐ ngày 24/11/2024 về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về "một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả" và Kế hoạch định hướng số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 06/12/2024 về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ.

- Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn cấp huyện khi có sự thay đổi.

- Tiếp tục triển khai rà soát, sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy của các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn huyện đảm bảo đúng quy định và thực tiễn yêu cầu nhiệm vụ tại địa phương đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; tập trung sắp xếp cơ cấu bên trong các đơn vị sự nghiệp công lập; giảm đầu mối tổ chức trung gian, khắc phục triệt để sự trùng lắp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo nguyên tắc một tổ chức có thể đảm nhiệm nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm chính.

- Phê duyệt Đề án tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm giảm tỷ lệ và nâng cao hiệu quả chi ngân sách nhà nước đối với dịch vụ sự nghiệp công: rà soát, đánh giá cụ thể khả năng tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập để xây dựng phương án, lộ trình chuyển dần mức độ tự chủ, giảm số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

- Thực hiện phân cấp, phân quyền theo Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ nhằm phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của từng đơn vị, địa phương.

- Tập trung xây dựng và hoàn thiện Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch viên chức để chủ động sắp xếp, tinh giản biên chế trong các đơn vị sự nghiệp công lập. Thực hiện tinh giản biên chế năm 2025 theo chủ trương tại Kết luận số 28-KL/TW và Kết luận số 40-KL/TW của Bộ Chính trị và đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động hành chính, cải tiến quy trình, quy chế làm việc, loại bỏ các khâu trung gian để tổ chức, sắp xếp lại bộ máy đảm bảo tinh gọn.

**5. Cải cách chế độ công vụ**

- Thực hiện nghiêm các quy định về tuyển dụng, quản lý và sử dụng cán bộ, công chức, viên chức; bảo đảm cơ chế cạnh tranh lành mạnh, dân chủ, công khai, minh bạch trong tuyển dụng, bổ nhiệm, đề bạt công chức, viên chức.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo tiêu chuẩn, chức danh theo quy định; nâng cao chất lượng, tinh thần trách nhiệm, đạo đức, tác phong chuyên nghiệp, kỷ luật, kỷ cương, thân thiện và tận tình phục vụ Nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tiếp tục chấn chỉnh, tăng cường trách nhiệm trong xử lý công việc, kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ theo Công điện số 280/CĐ-TTg và 968/CĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Kết luận số 29-KL/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các văn bản quy định, hướng dẫn của tỉnh.

- Triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2025 theo kế hoạch; tiếp tục đổi mới hình thức, nội dung, chương trình bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo thiết thực, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.

**6. Cải cách tài chính công**

- Tăng cường các biện pháp để giải ngân vốn đầu tư công đảm bảo quy định.

- Chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kết luận, kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách.

- Đẩy mạnh việc giao tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; kết quả thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế, kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

**7. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số và áp dụng ISO**

**7.1. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số**

- Chỉ đạo, đôn đốc các ngành, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và thực trạng của đơn vị, địa phương, tăng cường chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số đảm bảo chất lượng, hiệu quả theo các mục tiêu tại Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 22/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và các văn bản có liên quan. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong việc chịu trách nhiệm trực tiếp và toàn diện về kết quả thực hiện chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Tiếp tục triển khai đào tạo các khoá học trực tuyến về chuyển đổi số trên nền tảng số quốc gia, nền tảng số của tỉnh (MobiEdu) cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân trên địa bàn huyện đảm bảo theo quy định.

- Triển khai hệ thống phòng, chống mã độc quản trị tập trung. Đầu tư bổ sung trang thiết bị chuyên dụng.

- Tiếp tục hoàn thành phân loại, xác định, phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và phương án đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ đối với các cơ quan đơn vị có hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và thực hiện kiểm tra đánh giá định kỳ trước 30/6/2025.

- Triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực quan trọng: Giáo dục, Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, … Tiếp tục triển khai các giải pháp hỗ trợ y tế thông minh, giáo dục thông minh, thanh toán không dùng tiền mặt, hoá đơn điện tử, chữ ký số công cộng, thuê hệ thống ứng dụng quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử, …

**7.2. Áp dụng ISO trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị**

- Tiếp tục tổ chức duy trì, cải tiến có hiệu quả việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng tại các cơ quan đơn vị đã xây dựng và áp dụng đảm bảo yêu cầu của tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015.

- Tổ chức triển khai xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 tại Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện; 03 trường Tiểu học.

- Tổ chức xây dựng mở rộng hệ thống quản lý chất lượng tại 03 UBND xã đạt chuẩn Nông thôn mới. (Tùng ảnh, Lâm Trung Thủy, Yên Hồ)

- Tiếp tục soát xét, kiểm tra và xây dựng các quy trình nội bộ TTHC theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan, các quy trình được xây dựng theo hướng tối ưu hóa quá trình xử lý công việc, đảm bảo đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá hàng năm đối với việc thực hiện xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan, đơn vị. Phối hợp lồng ghép các cuộc kiểm tra CCHC để đánh giá chất lượng hệ thống.

- Phối hợp với Chi cục Đo lường Chất lượng; Sở Khoa học- Công nghệ tổ chức tập huấn, đào tạo nâng cao nhận thức, kỹ năng, nghiệp vụ về xây dựng, áp dụng, kiểm tra, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 cho cán bộ, công chức tại các cơ quan, đơn vị.

- Tham mưu UBND huyện tiếp tục quan tâm, bố trí nguồn kinh phí hợp lý cho việc xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến, mở rộng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015.

## IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CỤ THỂ

Mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, sản phẩm, phân công cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và thời gian cụ thể thực hiện theo **Phụ lục** kèm theo.

## V. KINH PHÍ

Kinh phí thực hiện Kế hoạch CCHC năm 2025 được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm cho các địa phương theo quy định về phân cấp ngân sách và các quy định khác. Đối với các nhiệm vụ được phê duyệt theo Đề án, Kế hoạch, Dự án thực hiện theo kinh phí của Đề án, Kế hoạch, Dự án được phê duyệt.

## VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**1. Văn phòng HĐND - UBND và các phòng: Nội vụ, Tư pháp, Văn hóa – Thông tin, Tài chính – Kế hoạch:** theo chức, năng nhiệm vụ chịu trách nhiệm chỉ đạo, triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai các nội dung được giao chủ trì theo Kế hoạch này đảm bảo tiến độ, chất lượng theo quy định.

**2. Trưởng các phòng, ban, ngành cấp huyện; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn**

2.1. Tổ chức thực hiện các nội dung CCHC theo kế hoạch. Căn cứ các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể được xác định tại Kế hoạch này; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn chủ động xây dựng Kế hoạch CCHC năm 2025 của địa phương đảm bảo đồng bộ, thống nhất theo Chương trình tổng thể CCHC Nhà nước giai đoạn 2021-2030, Nghị quyết số 12-NQ/TU, Đề án triển khai của UBND tỉnh phù hợp với thực tiễn của đơn vị, địa phương; đồng thời tập trung chỉ đạo, quán triệt, tổ chức triển khai, kiểm tra thực hiện đạt hiệu quả, đúng tiến độ đề ra.

Kế hoạch CCHC năm 2025 của UBND cấp xã báo cáo về UBND huyện trước ngày **05/02/2025** để tổng hợp, theo dõi.

2.2. Thực hiện nghiêm quy định tại Quyết định số 54/2019/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 của UBND tỉnh về ban hành quy định trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh về thực hiện cải cách hành chính; tiếp tục đổi mới phương thức chỉ đạo, điều hành công tác CCHC bằng những việc làm cụ thể, có tính đột phá để đạt hiệu quả thực chất. Tăng cường hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện công tác CCHC. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong thực hiện từng nội dung CCHC nhất là công nghệ thông tin, truyền thông, công nghệ số trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động, chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính Nhà nước.

2.3. Đẩy mạnh thông tin truyền thông, tạo đồng thuận xã hội thúc đẩy CCHC, nhất là TTHC; rà soát, đơn giản hóa, cập nhật, công khai và hướng dẫn kịp thời, đầy đủ các TTHC, các văn bản quy định về TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của cơ quan, đơn vị tại trụ sở làm việc, trên cổng/trang thông tin điện tử

của cơ quan, đơn vị.

2.4. Tổ chức hội nghị đối thoại với người dân, tổ chức và doanh nghiệp về các vấn đề có liên quan tới giải quyết công việc của người dân, tổ chức và doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của cơ quan, đơn vị theo quy định.

2.5. Chủ động, mạnh dạn đề xuất thực hiện hoặc thí điểm thực hiện những mô hình, giải pháp, sáng kiến hiệu quả, có tính khả thi và có sự đồng thuận cao từ phía tổ chức, người dân để tạo sự đột phá trong công tác CCHC. Tổ chức và cử đi tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ liên quan đến giao tiếp, văn hóa ứng xử, quyền và nghĩa vụ của công chức, viên chức, kỷ luật, kỷ cương hành chính, ưu tiên bồi dưỡng đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức tiếp dân, thực hiện TTHC, giải quyết công việc liên quan đến người dân, tổ chức tại các lĩnh vực đất đai, xây dựng, lao động thương binh và xã hội, tư pháp, y tế, bảo hiểm xã hội... nội dung của Chỉ số PARINDEX đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý.

2.6. Thực hiện đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước bằng các hình thức phù hợp, thuận tiện cho người dân, tổ chức và đảm bảo thực chất, hiệu quả. Định kỳ hàng quý có báo cáo kết quả lấy ý kiến đánh giá phục vụ công tác chỉ đạo điều hành CCHC của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

2.7. Triển khai việc đánh giá kết quả công tác CCHC qua xác định Chỉ số CCHC hằng năm đối với các xã, thị trấn đảm bảo thực chất, khách quan, phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ CCHC; thực hiện sơ kết, tổng kết công tác CCHC theo quy định.

**3. Phòng Nội vụ**

- Là cơ quan thường trực CCHC huyện. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, đánh giá; tổ chức sơ kết, tổng kết việc triển khai kế hoạch CCHC năm 2025 của huyện đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đúng tiến độ theo quy định.

- Chịu trách nhiệm đôn đốc, triển khai kế hoạch này và chủ trì tham mưu tổ chức kiểm tra công tác cải cách hành chính theo kế hoạch; tham mưu UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện các biện pháp đẩy mạnh công tác CCHC trên địa bàn huyện; chủ trì tổng hợp báo cáo UBND huyện, Sở Nội vụ về kết quả thực hiện công tác CCHC của huyện đảm bảo chất lượng, thời gian theo quy định.

- Tăng cường phối hợp với các cơ quan chủ trì thực hiện các nội dung CCHC của huyện để tham mưu UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ CCHC có chất lượng, hiệu quả.

**4. Trung tâm Phục vụ hành chính công huyện**

- Chủ trì phối hợp với các phòng, ban, ngành và các đơn vị liên quan kiểm

soát chặt chẽ số liệu thủ tục hành chính thực hiện "tiếp nhận và trả kết quả" tại Trung tâm hành chính công huyện.

- Thực hiện hướng dẫn, theo dõi TTHC của tổ chức, cá nhân theo thẩm quyền được giao tại Trung tâm hành chính công.

- Tăng cường các hình thức lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan, cán bộ, công chức, viên chức trong giải quyết TTHC.

**5. Trung tâm Văn hóa – Truyền thông huyện**

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng chuyên mục về CCHC trên Cổng thông tin điện tử; tuyên truyền, phổ biến sâu, rộng, có trọng tâm, trọng điểm, bằng nhiều hình thức nhất là thông tin, tuyên truyền về các mô hình hay, cách làm tốt, cũng như các tồn tại, hạn chế và góp ý, hiến kế cho các cấp chính quyền làm tốt hơn công tác này. Đồng thời nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân về công tác CCHC; giúp người dân, doanh nghiệp được tiếp cận để hiểu rõ hơn về các nội dung công tác CCHC.

**6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể cấp huyện**

- Tăng cường phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực tham gia vào các khâu, lĩnh vực trong tiến trình CCHC. Phát huy vai trò giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện CCHC nhà nước các cấp.

- Vận động người dân, doanh nghiệp và cơ quan truyền thông giám sát việc thực hiện CCHC góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; nắm bắt kịp thời tâm tư nguyện vọng, kiến nghị của đoàn viên, hội viên và Nhân dân để phản ánh với cấp ủy, chính quyền góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp.

Chủ tịch UBND huyện yêu cầu Trưởng các phòng, ban, ngành, đơn vị cấp huyện; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn triển khai Kế hoạch này một cách kịp thời, hiệu quả; báo cáo kết quả thực hiện theo quý, 6 tháng, năm và đột xuất (nếu có) công tác CCHC về UBND huyện (qua phòng Nội vụ); Phòng Nội vụ tổng hợp kết quả triển khai thực hiện tham mưu UBND huyện báo cáo Sở Nội vụ, Ban chỉ đạo CCHC tỉnh theo quy định. Đồng thời kịp thời tham mưu UBND huyện đôn đốc, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện hoàn thành kế hoạch này./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**

**PHỤ LỤC**
**KHUNG NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM NĂM 2025**
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2025 của Chủ tịch UBND huyện)*

| TT | 1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung | 2- Nhiệm vụ | 3- Hoạt động | 4- Kết quả, sản phẩm | 5- Chủ trì | 6- Phối hợp | 7- Thời gian hoàn thành | 8- Kinh phí |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **CÔNG TÁC TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ CCHC** | | | | | | | |
| 1 | 1.1. Nâng cao chất lượng công tác chỉ đạo điều hành; tổ chức thực hiện có hiệu quả, đảm bảo chất lượng các nội dung, nhiệm vụ trong kế hoạch CCHC của huyện | 2.1. Ban hành triển khai Kế hoạch CCHC năm 2025 của huyện | 3.1. Xây dựng dự thảo văn bản đề xuất mục tiêu, nhiệm vụ<br>3.2. Tổng hợp và xin ý kiến, hoàn thiện dự thảo, trình Chủ tịch UBND huyện ban hành | Văn bản và các dự thảo kèm theo | Phòng Nội vụ | Các phòng chuyên môn chủ trì CCHC của huyện | Trước 15/01/2025 | |
| | | 2.2. Tham mưu UBND huyện ban hành văn bản chỉ đạo và tổ chức thực hiện hiệu quả công tác CCHC | 3.2. Xây dựng dự thảo văn bản, xin ý kiến | Văn bản chỉ đạo | Phòng Nội vụ | Các phòng, ban, UBND các xã, thị trấn | Quý I /2025 | |
| | | 2.3. Xây dựng, ban hành Kế hoạch tuyên truyền CCHC và các chỉ số liên quan năm 2025 | 3.3. Xây dựng, ban hành kế hoạch | Kế hoạch | Phòng Văn hóa – Thông tin | Các phòng, ban, ngành cấp huyện, UBND các xã, thị trấn | Tháng 01/2025 | Theo dự toán được cấp |
| | | | 3.4. Tổ chức thực hiện Kế hoạch tuyên truyền | Các hình thức tuyên truyền đa dạng, phong | | | Thường xuyên | |

| TT | 1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung | 2- Nhiệm vụ | 3- Hoạt động | 4- Kết quả, sản phẩm | 5- Chủ trì | 6- Phối hợp | 7- Thời gian hoàn thành | 8- Kinh phí |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | phú | | | | |
| | | 2.4. Tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết | 3.5. Các văn bản triển khai các hội nghị | Công văn, báo cáo, giấy mời, thông báo kết luận | Phòng Nội vụ | Các cơ quan chủ trì CCHC của huyện, các cơ quan liên quan | Năm 2025 | Theo dự toán được cấp |
| 2 | 1.2. Cải thiện, nâng cao thứ hạng Chỉ số CCHC của tỉnh và các chỉ số liên quan | 25. Triển khai xác định chỉ số CCHC của huyện năm 2025 theo Kế hoạch của UBND tỉnh | 3.6. Văn bản chỉ đạo triển khai xác định chỉ số CCHC của huyện năm 2025<br>3.7. Công văn, hướng dẫn, Báo cáo tự đánh giá chấm điểm chỉ số CCHC của huyện năm 2025 | Công văn<br>Báo cáo | Phòng Nội vụ | Các cơ quan chủ trì CCHC của huyện | Theo Kế hoạch của UBND tỉnh | Theo dự toán được cấp |
| | | 2.6. Ban hành, triển khai các giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế, duy trì, nâng cao các chỉ số CCHC. | 3.8. Văn bản đề nghị các ngành phân tích làm rõ các tiêu chí bị trừ điểm trong kết quả các Chỉ số CCHC<br>3.9. Văn bản chỉ đạo khắc phục các tồn tại, hạn chế của các chỉ số | Công văn (kế hoạch); Báo cáo | Phòng Nội vụ | Các phòng chuyên môn chủ trì CCHC của huyện, các cơ quan liên quan | Quý I/2025 | Theo dự toán được cấp |
| 3 | 1.3. Phấn đấu ít nhất có 01 sáng kiến (hoặc giải pháp mới) về CCHC áp dụng có hiệu quả đáp ứng yêu cầu của Hội đồng thẩm định CCHC tỉnh | 2.7. Giới thiệu các mô hình, sáng kiến áp dụng và nhân rộng tại các cơ quan, đơn vị, địa phương | 3.10. Tập hợp, rà soát các sáng kiến, mô hình hay, hiệu quả giới thiệu cho các cơ quan, đơn vị, địa phương | - Văn bản rà soát, giới thiệu<br>- Tóm tắt giới thiệu các mô hình, | Phòng Nội vụ chủ trì đối với nhân rộng mô hình hay | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | Thường xuyên | Theo dự toán được cấp |

| TT | 1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung | 2- Nhiệm vụ | 3- Hoạt động | 4- Kết quả, sản phẩm | 5- Chủ trì | 6- Phối hợp | 7- Thời gian hoàn thành | 8- Kinh phí |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | sáng kiến | | | | |
| | | 2.8 Nghiên cứu, đề xuất sáng kiến mới (giải pháp mới) về CCHC | 3.11. Viết sáng kiến, đánh giá hiệu quả và áp dụng vào thực tiễn | Các sáng kiến, giải pháp | Các cơ quan chủ trì các lĩnh vực CCHC huyện; cơ quan, đơn vị, địa phương | Cơ quan, đơn vị liên quan | Thường xuyên | |
| 4 | 1.4. Tối thiểu 35% cơ quan đơn vị được kiểm tra CCHC trong năm 2025 | 2.9. Tổ chức kiểm tra CCHC (gắn với kiểm tra thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU và Đề án UBND tỉnh triển khai Nghị quyết số 12-NQ/TU) | 3.12 Ban hành Kế hoạch Kiểm tra CCHC<br>3.13. Thông báo lịch kiểm tra và tiến hành kiểm tra tại các đơn vị, địa phương<br>3.14. Biên bản kiểm tra các đơn vị, địa phương<br>3.15. Báo cáo kết quả kiểm tra<br>3.16. Ban hành Văn bản chỉ đạo khắc phục tồn tại, hạn chế sau kiểm tra | Kế hoạch, Công văn, Báo cáo kết quả kiểm tra, Biên bản kiểm tra tại các đơn vị, địa phương, Văn bản chỉ đạo | Phòng Nội vụ | Các cơ quan chủ trì CCHC của huyện, các đơn vị được kiểm tra | Quý II, III/2025 | Theo dự toán được cấp |
| | | 2.10. Kiểm tra đột xuất việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ | 3.17. Thông báo kiểm tra | Biên bản kiểm tra, báo cáo, văn bản chỉ đạo | Phòng Nội vụ, Thành viên Đoàn kiểm tra CCHC huyện | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | Năm 2025 | |
| 5 | 1.5. Tiếp tục đổi mới phương pháp, cách thức | 2.11. Thực hiện thẩm định chỉ số CCHC các | 3.18. Thông báo lịch thẩm định; tiến | Thông báo, Công văn, | Phòng Nội vụ, Đoàn | các cơ quan, đơn vị liên | Theo kế hoạch thẩm | |

| TT | 1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung | 2- Nhiệm vụ | 3- Hoạt động | 4- Kết quả, sản phẩm | 5- Chủ trì | 6- Phối hợp | 7- Thời gian hoàn thành | 8- Kinh phí |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | công tác thẩm định, đánh giá CCHC tại các địa phương | xã, thị trấn | hành thẩm định; họp hội đồng thẩm định cấp huyện và trình Chủ tịch UBND huyện phê duyệt kết quả | Quyết định, kế hoạch | Kiểm tra, HĐTĐ CCHC huyện | quan | định hằng năm | |
| 6 | 1.6. Nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức trong tham mưu, triển khai CCHC | 2.12. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng về kiến thức, kỹ năng về CCHC cho cán bộ, công chức | 3.19. Các lớp tập huấn, bồi dưỡng | Công văn (kế hoạch), Giấy mời | Phòng Nội vụ | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | Năm 2025 | Theo dự toán được cấp |
| 7 | 1.7. Tham quan học tập kinh nghiệm CCHC tại các đơn vị, địa phương | 2.13. Tổ chức học tập kinh nghiệm CCHC tại một số huyện trong và ngoài tỉnh | 3.20. Các chuyến tham quan học tập kinh nghiệm | Công văn, báo cáo | Phòng Nội vụ | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | Năm 2025 | Theo dự toán được cấp |
| **II** | **CẢI CÁCH THỂ CHẾ** | | | | | | | |
| 1 | 1.1. Phấn đấu 100% các nội dung Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Lệnh, Quyết định của Chủ tịch nước, Nghị định của Chính phủ, Thông tư của các Bộ, ngành Trung ương giao HĐND huyện; UBND huyện quy định chi tiết được triển khai, thực hiện kịp thời | 2.1. Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để quy định chi tiết các nội dung được giao tại văn bản pháp luật của Trung ương | 3.1. Rà soát và lập danh mục nội dung giao quy định chi tiết tại các văn bản QPPL của Trung ương | Danh mục | Phòng Tư pháp | Các phòng, ban, ngành cấp huyện; | Thường xuyên | 0 |
| | | | 3.2. Xây dựng các dự thảo văn bản | Các văn bản QPPL | Phòng, ban, ngành có liên quan; | Phòng Tư pháp | Thường xuyên | 100 |
| | | | 3.3. Theo dõi, đôn đốc các đơn vị tham mưu kịp thời, có chất lượng các văn bản được Trung ương giao | Văn bản đôn đốc | Phòng Tư pháp | Các phòng, ban, ngành cấp huyện | Thường xuyên | 0 |

| TT | 1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung | 2- Nhiệm vụ | 3- Hoạt động | 4- Kết quả, sản phẩm | 5- Chủ trì | 6- Phối hợp | 7- Thời gian hoàn thành | 8- Kinh phí |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | quy định chi tiết | | | | | |
| | 1.2. Phấn đấu 100 % văn bản QPPL của HĐND, UBND huyện được rà soát để sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp với quy định | 2.2. Nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật | 3.4. Thực hiện nghiêm túc quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật | Báo cáo, công văn | Phòng Tư pháp | Các phòng, ban, ngành cấp huyện | Quý II/2025 | 0 |
| | | | 3.5. Hướng dẫn nghiệp vụ chuyên sâu nâng cao kỹ năng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật | Hội nghị tập huấn hoặc Công văn hướng dẫn | Phòng Tư pháp | Các phòng, ban, ngành cấp huyện; UBND các xã, thị trấn | Quý IV/2025 | 20 |
| | | | 3.6. Tăng cường công tác kiểm tra, tự kiểm tra văn bản QPPL | Văn bản hướng dẫn; Báo cáo kết quả kiểm tra | Phòng Tư pháp | Các phòng, ban, ngành cấp huyện; UBND các xã, thị trấn | Thường xuyên | 0 |
| | | | 3.7. Thực hiện rà soát văn bản QPPL của HĐND, UBND huyện thuộc lĩnh vực của mình. | Báo cáo kết quả rà soát; Văn bản xử lý sau rà soát | Các phòng, ban, ngành cấp huyện; | Phòng Tư pháp | Thường xuyên | 0 |
| 2 | 1.3. Phấn đấu 100% văn bản QPPL của Trung ương, của tỉnh, của huyện được tổ chức thực hiện kịp thời, hiệu quả | 2.3.Kiểm tra công tác TDTHPL và tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn huyện | 3.8.Thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành | - Thành lập đoàn kiểm tra<br>- Thực hiện kiểm tra tại các cơ quan đơn vị, địa phương | Phòng Tư pháp | Các phòng, ban, ngành cấp huyện; UBND các xã, thị trấn | Quý IV/2025 | 25 |
| | | 2.4. Tổ chức thực | 3.9.Triển khai kịp | Tổ chức hội | Các phòng, | Phòng Tư | Thường | 0 |

| TT | 1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung | 2- Nhiệm vụ | 3- Hoạt động | 4- Kết quả, sản phẩm | 5- Chủ trì | 6- Phối hợp | 7- Thời gian hoàn thành | 8- Kinh phí |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | hiện kịp thời các văn bản QPPL | thời các văn bản QPPL của Trung ương và địa phương thuộc lĩnh vực mình. | nghị triển khai hoặc Công văn | ban, ngành cấp huyện; UBND các xã, thị trấn | pháp | xuyên | |
| **III** | **CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** | | | | | | | |
| 1 | 1.1. Ban hành Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông | 2.1. Xây dựng dự thảo ban hành Kế hoạch | 3.1. Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan; trình UBND huyện ban hành. | Kế hoạch kèm theo | Văn phòng HĐND - UBND huyện | Các phòng, ban, ngành cấp huyện; UBND các xã, thị trấn | Quý I/2025 | |
| 2 | 1.2. 100% TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước được rà soát; rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ để cắt giảm 20% quy định và 20% chi phí tuân thủ TTHC nội bộ | 2.2. Rà soát đề nghị cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước. | 3.2.Tiến hành triển khai rà soát và cắt giảm quy định liên quan đến TTHC nội bộ; trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. | Biểu mẫu rà soát, báo cáo đơn giản hóa TTHC, Quyết định phê quyệt | Các phòng, ban, ngành cấp huyện; UBND các xã, thị trấn | Văn phòng HĐND-UBND huyện | Quý I, II năm 2025 | |
| 3 | 1.3. 100% TTHC được công khai sau khi UBND tỉnh công bố | 2.3. Cập nhật công khai các TTHC mới ban hành | 3.3.Triển khai công khai kịp thời tại Trung tâm hành chính công huyện, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã. | Văn bản triển khai | Trung tâm HCC huyện; UBND các xã, thị trấn | Văn phòng HĐND-UBND huyện | Thường xuyên | |
| 4 | 1.4. Tiếp tục triển khai thực hiện số hóa kết quả | 2.4. Nâng cao tỷ lệ số hóa kết quả giải | 3.4. Tổ chức triển khai quy | Tỷ lệ số hóa theo | Trung tâm HCC | Văn phòng HĐND- | Thường xuyên | |

| TT | 1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung | 2- Nhiệm vụ | 3- Hoạt động | 4- Kết quả, sản phẩm | 5- Chủ trì | 6- Phối hợp | 7- Thời gian hoàn thành | 8- Kinh phí |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, cấp xã đạt tỷ lệ tối thiểu tương ứng: cấp huyện 100%, cấp xã 95% số hồ sơ tiếp nhận | quyết TTHC đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, cấp xã | trình số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa các cấp<br>3.5. Theo dõi, cập nhật tình hình và tổ chức thực hiện kế hoạch số hóa kết quả giải quyết TTHC | quy định | huyện, UBND cấp xã | UBND huyện | | |
| 5 | 1.5. Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình được tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia đạt 100%.<br>- Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt 90%. | 2.5. Đẩy mạnh cung cấp DVC trực tuyến toàn trình, một phần trên Cổng DVC Quốc gia để đồng bộ về Cổng dịch vụ công của tỉnh<br>2.6. Nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình | 3.6.Thực hiện rà soát, đánh giá TTHC để cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị, địa phương<br>3.7.Đẩy mạnh công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức khác nhau; tập huấn về kiến thức, kỹ năng ứng dụng | - Báo cáo rà soát<br>- Số hồ sơ giải quyết trực tuyến toàn trình, một phần | Trung tâm HCC huyện; UBND cấp xã. | Văn phòng HĐND-UBND huyện | Thường xuyên | |

| TT | 1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung | 2- Nhiệm vụ | 3- Hoạt động | 4- Kết quả, sản phẩm | 5- Chủ trì | 6- Phối hợp | 7- Thời gian hoàn thành | 8- Kinh phí |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | CNTT, chuyển đổi số cho cán bộ công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp | | | | | |
| 6 | 1.6. Tối thiểu 80% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt tối thiểu 70% | 2.7. Đẩy mạnh giao dịch thanh toán trực tuyến đối với các TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính | 3.8. Rà soát, thống kê số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, từ đó đề xuất số TTHC triển khai thanh toán trực tuyến và giao dịch trực tuyến | - Biểu mẫu rà soát thống kê<br>- Số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai giao dịch thanh toán trực tuyến | Trung tâm HCC huyện; UBND các xã, thị trấn | Văn phòng HĐND-UBND huyện | Thường xuyên | |
| 7 | 1.7. Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt từ 95% trở lên. | 2.8. Nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC | 3.9. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Bộ phận Một cửa các cấp; nâng cao năng lực của công chức tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa các cấp<br>3.10.Triển khai, áp dụng các sáng kiến CCHC, mô hình CCHC có | Mức độ hài lòng của người dân trên cổng DVC | Trung tâm HCC huyện; UBND các xã, thị trấn | Văn phòng HĐND-UBND huyện | Thường xuyên | |

| TT | 1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung | 2- Nhiệm vụ | 3- Hoạt động | 4- Kết quả, sản phẩm | 5- Chủ trì | 6- Phối hợp | 7- Thời gian hoàn thành | 8- Kinh phí |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | hiệu quả trong giải quyết TTHC của các ngành, các lĩnh vực<br>3.11. Tổ chức các lớp tập huấn liên quan đến nhiệm vụ kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, kỹ năng, nghiệp vụ cho công chức tại Bộ phận một cửa các cấp | | | | | |
| 8 | 1.8. Tăng cường công tác kiểm tra đột xuất, định kỳ về việc giải quyết TTHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương | 2.9. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến và thực hiện ý kiến chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh | 3.12. Xây dựng kế hoạch, thông báo lịch kiểm tra | Kế hoạch, thông báo, biên bản kiểm tra | Văn phòng HĐND-UBND huyện | Phòng Nội vụ, UBND cấp xã | Thường xuyên | |
| 9 | 1.9. Tăng cường công tác đối thoại của lãnh đạo UBND huyện với người dân, doanh nghiệp (phấn đấu ít nhất | 2.10. Tổ chức các hội nghị đối thoại, diễn đàn | 3.13. Xây dựng kế hoạch, phân công các cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp thực hiện | Kế hoạch, giấy mời, thông báo | Văn phòng HĐND-UBND huyện, | | Năm 2025 | |

| TT | 1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung | 2- Nhiệm vụ | 3- Hoạt động | 4- Kết quả, sản phẩm | 5- Chủ trì | 6- Phối hợp | 7- Thời gian hoàn thành | 8- Kinh phí |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | từ 01 đến 02 cuộc trong năm) | | đối thoại | | Các phòng, ban liên quan | | | |
| **IV** | **CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC** | | | | | | | |
| 1 | 1.1 Tham mưu, đề xuất đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, tỉnh | 2.1 Xây dựng kế hoạch/đề án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt về việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, tỉnh | 3.1. Xây dựng đề án kiện toàn sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. | Kế hoạch/ Đề án | Phòng Nội vụ | Phòng, ban chuyên môn thuộc UBND huyện | Quý I/ 2025 | |
| 2 | 1.2 Hoàn thành việc kiện toàn, sắp xếp đối với 100% đơn vị sự nghiệp công lập có phương án sắp xếp, kiện toàn theo Đề án sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức các đơn vị sự nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND huyện sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt. | 2.2 Xây dựng đề án kiện sắp xếp, kiện cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập sau khi các cơ quan, đơn vị, địa phương (cơ quan chủ quản) trình Đề án sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập. | 3.2 Thực hiện thẩm định đề án kiện sắp xếp, kiện cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập | Văn bản trình cấp có thẩm quyền, quy định cơ cấu tổ chức của đơn vị. | Phòng Nội vụ | Các Phòng, ban, ngành có liên quan | Theo lộ trình đề án được phê duyệt | |
| | 1.3 Phấn đấu năm 2025 giảm 15 biên chế công chức so với năm 2024 | 2.3 Quản lý, sử dụng hiệu quả số biên chế công chức, viên chức được giao | 3.3. Rà soát, xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện | Văn bản hướng dẫn | Phòng Nội vụ | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | Theo lộ trình đề án được phê duyệt | |
| | | 2.4 Tăng cường | | Văn bản | Phòng | Địa | Theo lộ | |

| TT | 1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung | 2- Nhiệm vụ | 3- Hoạt động | 4- Kết quả, sản phẩm | 5- Chủ trì | 6- Phối hợp | 7- Thời gian hoàn thành | 8- Kinh phí |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 3 | | công tác kiểm tra, đánh giá, phân loại thực chất cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện tinh giản biên chế đúng đối tượng (những cán bộ, công chức, viên chức chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm; không hoàn thành nhiệm vụ, những người dôi dư do xác định vị trí việc làm và sắp xếp tổ chức). Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc thực hiện nghiêm túc việc đánh giá, phân loại công chức, viên chức hàng năm | | đôn đốc/ hướng dẫn | Nội vụ | phương, phòng, ban ngành có liên quan | trình đề án được phê duyệt | |
| | | 2.5 Đẩy mạnh việc thực hiện cơ chế tự chủ, xã hội hóa đối với các đơn vị sự nghiệp công lập; đánh giá khả năng tự chủ về tài chính của các | 3.4. Rà soát, đánh giá và trình Quyết định tỷ lệ tự chủ tài chính của đơn vị hàng năm hoặc theo giai đoạn | Văn bản | Phòng Tài chính – Kế hoạch | Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện | Theo lộ trình đề án được phê duyệt | |

| TT | 1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung | 2- Nhiệm vụ | 3- Hoạt động | 4- Kết quả, sản phẩm | 5- Chủ trì | 6- Phối hợp | 7- Thời gian hoàn thành | 8- Kinh phí |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | cơ quan, đơn vị, chuyển biên chế ngân sách sang biên chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm một phần chi thường xuyên. | | | | | | |
| **V** | **CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ** | | | | | | | |
| 2 | 1.2. 100% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ đại học trở lên và được chuẩn hoá về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm việc (trừ các chức danh có quy định khác của cơ quan có thẩm quyền) | 2.1 Tuyên truyền, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng | 3.1 Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với yêu cầu thực tiễn cho CBCC | Kế hoạch | Phòng Nội vụ | UBND các xã, thị trấn | Năm 2025 | Theo dự toán được cấp |
| 3 | | 2.2. Tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng thực thi công vụ, nhiệm vụ theo vị trí việc làm, kỹ năng sử dụng và ứng dụng công nghệ thông tin | 3.2. Phối hợp mở lớp đào tạo, bồi dưỡng thực hiện tốt, đồng bộ công tác đào tạo bồi dưỡng dưỡng kỹ năng thực thi công vụ, nhiệm vụ theo vị trí việc làm, kỹ năng sử dụng và ứng dụng công nghệ thông tin. | Mở lớp bồi dưỡng theo kế hoạch | Phòng Nội vụ | Các phòng, ban, ngành, các địa phương | Năm 2025 | |
| | | 2.3. Tổ chức tuyển dụng theo quy định | 3.3. Xây dựng kế hoạch, quy | Quyết định | Phòng Nội vụ | Các phòng, ban ngành | Năm 2025 | |

| TT | 1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung | 2- Nhiệm vụ | 3- Hoạt động | 4- Kết quả, sản phẩm | 5- Chủ trì | 6- Phối hợp | 7- Thời gian hoàn thành | 8- Kinh phí |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | chế, thông báo tuyển dụng, tiếp nhận hồ sơ, thành lập hội đồng tuyển dụng và tổ chức thi tuyển. | | | liên quan, đơn vị sự nghiệp | | |
| **VI** | **CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG** | | | | | | | |
| 1 | 1.1. Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN; vốn thực hiện các đề án, chính sách, Chương trình MTQG | 2.1. Hướng dẫn, đôn đốc, báo cáo | 3.1. Văn bản hướng dẫn, đôn đốc, báo cáo | Công văn | Phòng Tài chính - Kế hoạch | Các phòng, ban, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện và UBND các xã, thị trấn | Năm 2025 | |
| 2 | 1.2. Thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách. | 2.2. Đôn đốc, báo cáo | 3.2. Văn bản đôn đốc, báo cáo | Công văn | Phòng Tài chính - Kế hoạch | Các phòng, ban, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện và UBND các xã, thị trấn | Năm 2025 | |
| 3 | 1.3. Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị | 2.3. Hướng dẫn, đôn đốc | 3.3. Văn bản hướng dẫn, đôn đốc | Công văn | Phòng Tài chính - Kế hoạch | Các phòng, ban, đơn vị sự nghiệp, UBND các xã, thị trấn | Năm 2025 | |

| TT | 1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung | 2- Nhiệm vụ | 3- Hoạt động | 4- Kết quả, sản phẩm | 5- Chủ trì | 6- Phối hợp | 7- Thời gian hoàn thành | 8- Kinh phí |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 4 | 1.4. Tỷ lệ sắp xếp lại nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý đạt trên 85% | 2.4. Hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị điều chỉnh phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất (nếu có) | 3.4. Văn bản hướng dẫn, đôn đốc | Công văn | Phòng Tài chính - Kế hoạch | Các phòng, ban, đơn vị sự nghiệp, UBND các xã, thị trấn | Năm 2025 | |
| | | 2.5. Hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được phê duyệt | 3.5. Văn bản hướng dẫn, đôn đốc | Công văn | Phòng Tài chính - Kế hoạch | Các phòng, ban, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện, UBND các xã, thị trấn | Năm 2025 | |
| 5 | 1.5. 100% đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ. | 2.6. Tập huấn cho các đơn vị sự nghiệp công lập. | 3.6. Tổ chức tập huấn. | Giấy mời | Phòng Tài chính - Kế hoạch | Các ĐVSN thuộc UBND huyện, UBND các xã, thị trấn | Năm 2025 | |
| | | 2.7. Cho ý kiến về giao quyền tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập | 3.7. Nghiên cứu phương án tự chủ tài chính của đơn vị; ban hành văn bản cho ý kiến | Văn bản | Phòng Tài chính - Kế hoạch | Các ĐVSN thuộc UBND huyện, UBND các xã, thị trấn | Năm 2025 | |
| 6 | 1.6. Số đơn vị SNCL tăng mức độ (tỷ lệ) tự chủ tài chính | 2.8. Thẩm định dự toán thu, chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định và xác định mức hỗ trợ chi thường xuyên từ nguồn NSNN. | 3.8. Nghiên cứu phương án của đơn vị, ban hành văn bản cho ý kiến.<br>3.8. Tham mưu | Văn bản | Phòng Tài chính - Kế hoạch | Các phòng, ban, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện | Năm 2025 | |

| TT | 1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung | 2- Nhiệm vụ | 3- Hoạt động | 4- Kết quả, sản phẩm | 5- Chủ trì | 6- Phối hợp | 7- Thời gian hoàn thành | 8- Kinh phí |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | cấp có thẩm quyền điều chỉnh mức độ tự chủ của các đơn vị SNCL | | | | | |
| 7 | 1.7. Giảm chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước đối với các đơn vị sự nghiệp công lập | 2.9. Thẩm định dự toán thu, chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định và xác định mức hỗ trợ chi thường xuyên từ nguồn NSNN. SNCL | 3.9. Nghiên cứu phương án của đơn vị, ban hành văn bản cho ý kiến.<br>3.10. Tham mưu cấp có thẩm quyền điều chỉnh giảm dự toán của các đơn vị SNCL. | Văn bản | Phòng Tài chính-KH | Các phòng, ban, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện | Năm 2025 | |
| **VII** | **XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ, CHÍNH PHỦ SỐ** | | | | | | | |
| 1 | **Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của đơn vị** | | | | | | | |
| 1.1 | 1.1. 100% cơ quan Đảng, chính quyền các cấp kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng | 2.1.Phối hợp triển khai mạng truyền số liệu chuyên dùng toàn huyện | 3.1. Phối hợp triển khai mạng truyền số liệu dùng (TSLCD) cấp II trên địa bàn huyện | Mạng truyền số liệu dùng (TSLCD) cấp II | Phòng Văn hóa - Thông tin | Các phòng, ban ngành liên quan | Năm 2025 | Theo dự toán được cấp |
| 1.2 | 1.2. 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng hoặc tự bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng số, bảo đảm ứng dụng hiệu quả các nền tảng số, khai thác dữ liệu số trong hoạt động quản lý | 2.2 Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ chuyên trách CNTT các cấp | 3.2. Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ chuyên trách CNTT các cấp | Lớp đào tạo | Phòng Văn hóa - Thông tin | Phòng Nội vụ; các phòng, ban ngành liên quan | Năm 2025 | Theo dự toán được cấp |
| | | 2.3. Tập huấn nâng | 3.3. Tập huấn nâng | Lớp tập | Phòng Văn | Phòng Nội | Năm | Theo |

| TT | 1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung | 2- Nhiệm vụ | 3- Hoạt động | 4- Kết quả, sản phẩm | 5- Chủ trì | 6- Phối hợp | 7- Thời gian hoàn thành | 8- Kinh phí |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | nhà nước và cung cấp dịch vụ công của các ngành, các cấp | cao nhận thức, kỹ năng về CĐS cho đội ngũ lãnh đạo, CCCVC các cấp | cao nhận thức, kỹ năng về CĐS cho đội ngũ lãnh đạo, CCCVC các cấp | huấn | hóa - Thông tin | vụ; các phòng, ban ngành liên quan | 2025 | dự toán được cấp |
| 1.3 | 1.3. 100% cơ sở dữ liệu quốc gia được kết nối, ứng dụng trên địa bàn huyện theo lộ trình của tỉnh, Chính phủ. | 2.4. Phối hợp xây dựng, triển khai, hoàn thiện, quản lý hệ thống thông tin và CSDL các ngành, lĩnh vực | 3.4. Phối hợp xây dựng, triển khai, hoàn thiện, quản lý hệ thống thông tin và CSDL các ngành, lĩnh vực | CSDL các ngành, lĩnh vực | Các phòng, ban ngành liên quan | Phòng Văn hóa - Thông tin | Năm 2025 | Theo dự toán được cấp |
| 1.4 | 1.4 100% hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước phê duyệt cấp độ an toàn; 100% hệ thống thông tin theo cấp độ của các cơ quan nhà nước triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn | 2.5. Triển khai giải pháp phòng chống mã độc quản trị tập trung | 3.5. Triển khai giải pháp phòng chống mã độc quản trị tập trung | Giải pháp phòng chống mã độc quản trị tập trung | Phòng Văn hóa - Thông tin | Phòng Tài chính - Kế hoạch; các phòng, ban ngành liên quan | Năm 2025 | Theo dự toán được cấp |
| | | 2.6. Nâng cấp, bổ sung hệ thống thiết bị phục vụ công tác đảm bảo An toàn thông tin mạng | 3.6. Nâng cấp, bổ sung hệ thống thiết bị phục vụ công tác đảm bảo An toàn thông tin mạng | Bổ sung trang thiết bị phục vụ bảo đảm ATTTT mạng | Phòng Văn hóa - Thông tin | Phòng Tài chính - Kế hoạch; các phòng, ban ngành liên quan | Năm 2025 | Theo dự toán được cấp |
| 1.5 | 1.5. 100% phòng, ban, đơn vị cấp huyện, UBND cấp xã thực hiện tạo lập và quản lý hồ sơ điện tử, trong đó tỷ lệ hồ sơ điện tử đạt tương ứng các cấp là 90%,70% (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật | 2.7. Nâng cấp, bổ sung, hoàn thiện các hệ thống thông tin quản lý, chỉ đạo điều hành của UBND huyện phục vụ chuyển đổi số | 3.7. Nâng cấp, bổ sung, hoàn thiện các hệ thống thông tin quản lý, chỉ đạo điều hành của UBND huyện phục vụ chuyển đổi số | Nâng cấp, bổ sung, hoàn thiện các hệ thống thông tin quản lý, chỉ đạo điều hành của UBND | Văn phòng HĐND-UBND huyện | Phòng Văn hóa – TT, phòng Tài chính - KH | Năm 2025 | Theo dự toán được cấp |

| TT | 1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung | 2- Nhiệm vụ | 3- Hoạt động | 4- Kết quả, sản phẩm | 5- Chủ trì | 6- Phối hợp | 7- Thời gian hoàn thành | 8- Kinh phí |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | nhà nước).<br>100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội được thực hiện trực tuyến và liên thông với hệ thống báo cáo quốc gia | | | huyện | | | | |
| **2** | **Áp dụng ISO 9001:2015 trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị** | | | | | | | |
| 2.1 | 1.1. 100% cơ quan, đơn vị duy trì, cải tiến hệ thống đáp ứng yêu cầu TCVN ISO 9001:2015. | 2.1. Duy trì và cải tiến hệ thống tại các cơ quan, đơn vị đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn | 3.1. Áp dụng hệ thống theo các điều khoản tiêu chuẩn, thực hiện theo các quy trình, hướng dẫn, quy định. | 23 cơ quan, đơn vị có liên quan duy trì, cải tiến hệ thống đáp ứng yêu cầu. | Các cơ quan, đơn vị áp dụng | Văn phòng HĐND-UBND huyện | Quý I-IV năm 2025 | Theo dự toán được cấp |
| 2.2 | 1.2. Xây dựng, áp dụng và công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp TCVN ISO 9001:2015 trong năm 2025 | 2.2. Xây dựng mới hệ thống tại Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện | 3.2. Triển khai xây dựng, áp dụng và công bố hệ thống tại đơn vị | Trung tâm GDNN và GDTX | Văn phòng HĐND-UBND huyện | Trung tâm; Chi cục Đo lường chất lượng – Sở Khoa học – Công nghệ | Quý I-IV năm 2025 | Theo dự toán được cấp |
| 2.3 | 1.3. 03 UBND xã đạt chuẩn Nông thôn mới: Tùng Ảnh, Lâm Trung Thủy, Yên Hồ hoàn thành xây dựng mở rộng hệ thống quản lý chất lượng phù hợp TCVN ISO 9001:2015 trong năm 2025 | 2.3. Tổ chức rà soát, đánh giá hiệu quả áp dụng Hệ thống quản lý, triển khai xây dựng và áp dụng mở rộng hệ thống tại các UBND cấp xã, đặc biệt chú trọng xây dựng và áp dụng quy | 3.3. Thực hiện rà soát chuẩn hóa lại hệ thống đồng thời xây dựng mở rộng áp dụng đối với các hoạt động nội bộ thực hiện điều hành tác nghiệp và giải quyết nhiệm vụ | UBND cấp xã đạt chuẩn nông thôn mới hoàn thành xây dựng mở rộng hệ thống | UBND cấp xã đạt chuẩn NTM | Văn phòng HĐND-UBND huyện | Quý I-IV năm 2025 | Theo dự toán được cấp |

| TT | 1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung | 2- Nhiệm vụ | 3- Hoạt động | 4- Kết quả, sản phẩm | 5- Chủ trì | 6- Phối hợp | 7- Thời gian hoàn thành | 8- Kinh phí |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | trình nội bộ thực hiện điều hành tác nghiệp và giải quyết nhiệm vụ chuyên môn. | chuyên môn UBND cấp xã đạt chuẩn Nông thôn mới. | | | | | |
| 2.4 | 1.4. 20% trường tiểu học công lập (03 trường) xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 năm 2025. | 2.4. Xây dựng mới hệ thống tại 03 trường Tiểu học công lập | 3.4. Triển khai xây dựng, áp dụng và công bố hệ thống tại các đơn vị | 03 trường Tiểu học công lập công bố hệ thống phù hợp tiêu chuẩn | Văn phòng HĐND-UBND huyện | Các trường Tiểu học | Quý I-IV năm 2025 | Theo dự toán được cấp |
| 2.5 | 1.5. 25% tổng số các cơ quan, đơn vị áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 được kiểm tra, đánh giá trong năm. | 2.5. Thực hiện kiểm tra, đánh giá việc xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan, đơn vị theo yêu cầu của tiêu chuẩn và các quy định liên quan khác. | 3.5. Thực hiện việc kiểm tra, đánh giá tại các cơ quan, đơn vị đã xây dựng, áp dụng hệ thống. | | Văn phòng HĐND-UBND huyện (chủ trì, phối hợp kiểm tra) | Các cơ quan, đơn vị | Quý II-IV năm 2025 | Theo dự toán được cấp |
| 2.6 | 1.6. Tổ chức 01 cuộc tập huấn nâng cao nhận thức về hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 | 2.6. Tổ chức tập huấn về Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 | 3.6. Tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo | | Văn phòng HĐND-UBND huyện | Chi cục Đo lường chất lượng – Sở Khoa học – Công nghệ | Quý II-IV năm 2025 | Theo dự toán được cấp |